

Số: 1002/2017/QĐ – PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trương Văn Hiền.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Xuân;

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân –
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Cao Hoàng
Thắng – Kiểm sát viên.

Nhận thấy, tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 613/2016/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 2, 4 Điều 193 và Điều 194 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2011 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Ngọc T1** – sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Trần Hữu K – sinh năm 1981.

Địa chỉ liên hệ: Số 208B đường H, phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 3111 quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2010 tại Phòng Công chứng số A tỉnh B).

2. Ông Lê Nhật H – sinh năm 1992.

Địa chỉ liên hệ: Số 133, đường Đ, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số chứng thực 223 quyển số 01/2017-SCT/CK, ĐC ngày 31/5/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường Q, Thành phố B1, tỉnh B2).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Vũ Ngọc K** – sinh năm 1941.

2. Bà **Phan Ngọc T2** – sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số 132/17 đường K, Phường L, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 21/6/2017, nguyên đơn là bà Phan Ngọc T1 đã kháng cáo toàn bộ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 613/2016/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Ngọc T1 yêu cầu đòi hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 613/2016/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên quyết định đình chỉ nêu trên.

XÉT THẤY:

Bà Phan Ngọc T1 kháng cáo yêu cầu hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 613/2016/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và trả hồ sơ về Tòa án nhân dân quận P để tiếp tục giải quyết vụ án. Với lý do trong quá trình giải quyết vụ án bà và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Hữu K liên tục yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là chữ ký và chữ viết của bị đơn bà Phan Ngọc T2 để trưng cầu giám định nhưng chưa được giải quyết, yêu cầu thay đổi Thẩm phán giải quyết vụ án nhưng chưa nhận được trả lời.

Việc Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 613/2016/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2016 nhưng đến ngày 20/6/2017 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Nhật H (Theo Giấy ủy quyền số chứng thực 223 quyền số 01/2017-SCT/CK, ĐC ngày 31/5/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường Q, Thành phố B1, tỉnh B2; *BL 105*) mới đến Tòa nhận Quyết định trên. Xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm chỉ tổng đạt Quyết định đình chỉ này cho nguyên đơn bà Phan Ngọc T1 bằng đường bưu điện (*BL 92*) và ba lần ủy thác thu thập chứng cứ không có kết quả phản hồi (*BL 93, 94, 95*) là có thiếu sót trong quá trình chuyển giao văn bản cần tổng đạt; tại Biên bản ngày 13/7/2017 (*BL 102*) bà T1 cũng xác nhận là thường xuyên đi làm ăn buôn bán qua lại giữa các tỉnh nên không thường ở nhà. Tuy nhiên việc này đã được khắc phục, phía bà T1 đã nhận được Quyết định đình chỉ trên theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không ảnh hưởng đến quyền của đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Ngọc T1 trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Theo hồ sơ vụ án thể hiện, Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Hữu K (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 3111 quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2010 tại Phòng Công chứng số A tỉnh B; BL 22, 23) như sau:

- Biên bản tổng đạt của Tòa án nhân dân quận P ngày 18/4/2016, tổng đạt trực tiếp “giấy triệu tập ngày 18/4/2016 đúng 09 giờ ngày 29/4/2016” người nhận là ông Trần Hữu K (BL 77).

- Biên bản tổng đạt của Tòa án nhân dân quận P ngày 09/5/2016, tổng đạt trực tiếp “giấy triệu tập vào lúc 09 giờ ngày 26/5/2016” người nhận là ông Trần Hữu K (BL 81).

- Biên bản tổng đạt của Tòa án nhân dân quận P ngày 13/6/2016, tổng đạt trực tiếp “giấy triệu tập đúng 14 giờ ngày 23/6/2016” người nhận là ông Trần Hữu K (BL 83).

Tất cả những lần triệu tập này người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Hữu K đều trực tiếp nhận văn bản giấy triệu tập nhưng đều vắng mặt không lý do, thể hiện tại Biên bản ghi nhận sự vắng mặt của nguyên đơn (BL 79, 82, 85).

Xét thấy việc Tòa cấp sơ thẩm ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 613/2016/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2016 đối với vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 và Điều 194. Đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 về việc Thi hành Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ do ông Trần Hữu K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phan Ngọc T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Xét về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trường hợp đình chỉ vụ án với lý do nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì tiền tạm ứng án phí đã nộp được sung công quỹ Nhà nước. Tòa cấp sơ thẩm tuyên “sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí 25.784.070 đồng mà bà Phan Ngọc T1 đã nộp...” theo khoản 2 Điều 193 Bộ luật Tố tụng dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2011 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 là có căn cứ.

Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 70; Khoản 1 Điều 148; Điều 217; Điều 218; Điều 293; Điều 314; Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 về việc Thi hành Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Ngọc T1: Giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 613/2016/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Ngọc T1 phải nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AC/2012/08578 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Ngọc T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM);
- TAND quận P;
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM);
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận P;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trương Văn Hiền